TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2020/DS-PT
Ngày 26 - 6 - 2020
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, Hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂNDÂN TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miễn
Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Yên
Ông Hồ Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2020/TLPT- DS ngày 12 tháng 3 năm 2020 về việc Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, Hụi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 94/2020/QĐPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Tạ Hồng L – sinh năm 1962;
Nơi cư trú: Số 211, Đường số 9, Phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông Trần Việt K – sinh năm 1965;
Bà Phan Thị Mai P – sinh năm 1955;
Nơi cư trú: Số 278, Ngô Quyền, Khóm 1, Phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bà P: Ông Trần Văn Đạo – sinh năm 1978; Nơi cư trú: Số 83, Dương Thị Cẩm Vân, Khóm 5, Phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 17/02/2020).

- *Người kháng cáo*: Ông Trần Việt K và bà Phan Thị Mai P là bị đơn.
Tại phiên tòa: Ông K, ông Đạo, bà L có mặt; Bà P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày của nguyên đơn: Ngày 27/3/2018dl, bà P vay của bà 500.000.000đ, lãi suất 2%/tháng, bà P trả lãi đến tháng 5/2019dl thì ngưng (trả lãi được 14 tháng).

Ngày 10/4/2018dl bà P vay 300.000.000đ, lãi suất 2%/tháng, bà P trả lãi đến tháng 5/2019dl thì ngưng (trả lãi được 13 tháng). Đối với vốn vay 300.000.000đ, ngày 24/8/2018dl bà P trả 50.000.000đ, ngày 27/8/2018dl tiếp tục trả 50.000.000đ, nay còn nợ vốn 200.000.000đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà L cho rằng, tổng số tiền lãi bà P đã trả cho bà từ khi vay cho đến lúc ngưng trả, số tiền lãi đã trả là 218.000.000đ. Nay bà yêu cầu đòi lại 700.000.000đ vốn, không yêu cầu tính lãi và đồng ý số tiền trả lãi vượt quy định thì trừ vào vốn.

Ngoài ra, bà P còn nợ tiền hụi như sau:

Dây hụi thứ nhất, loại hụi 5.000.000đ, hụi tháng, 32 chưng (phần), bà P tham gia 02 chưng, khui lần đầu vào ngày 10/02/2017âl *(ngày 07/3/2017dl)*. Bà P hốt hết 02 chưng (hốt vào ngày 10/02/2017âl, hốt ngày 10/3/2017âl), ngày 20/8/2019âl (ngày18/9/2019dl) hụi mãn. Bà P góp hụi chết đến tháng 5/2019âl thì ngưng, còn nợ 03 kỳ = 30.000.000đ (5.000.000đ x 2 chưng x 3 kỳ).

Dây hụi thứ 2, loại hụi 10.000.000đ, hụi tháng, 22 chưng, bà P tham gia 02 chưng, khui lần đầu ngày 20/11/2017âl (ngày 06/01/2018dl). Bà P hốt 02 chưng (hốt ngày 20/12/2017âl, hốt ngày 20/01/2018âl), bà P góp hụi chết đến 20/4/2019âl (ngày 24/5/2019dl) thì ngưng, đến ngày 20/8/2019âl (ngày 18/9/2019dl) mãn hụi. Bà P còn nợ 04 kỳ = 80.000.000đ (04 kỳ x 10.000.000đ x 2 chưng).

Nay bà khởi kiện yêu cầu bị đơn trả cho bà vốn vay 700.000.000đ, tiền hụi 110.000.000đ, tổng hai khoản 810.000.000đ; Không yêu cầu tính lãi. Bà L thừa nhận bà P có chuyển tiền vào tài khoản 98482009 của bà nhiều lần từ tháng 8/2018 đến tháng 6/2019 đúng như bảng sao kê của Ngân hàng mà bị đơn cung cấp gồm tiền hụi và lãi nhưng không phân định được từng khoản tiền.

Ông K trình bày: Bà P là vợ ông, việc vợ ông tham gia chơi hụi và vay tiền của bà L thì ông không biết. Tuy nhiên, sau đó ông có nghe bà P nói có nợ bà L vốn vay 700.000.000đ và nợ hụi 110.000.000đ, theo ông biết thì lãi suất vay là 6%/tháng, mỗi tháng bà P phải trả lãi cho bà L 42.000.000đ, bà P đã đóng lãi cho các khoản vay khoảng 6 – 7 năm nay, đóng được bao nhiêu tiền lãi thì ông không rõ.

Ông xác định bà P chuyển tiền vào tài khoản bà L từ ngày 16/8/2018 đến ngày 14/6/2019 tổng số tiền là 594.000.000đ. Phần lớn là tiền lãi, số ít là tiền hụi; Ngoài ra, còn trả tiền hụi và tiền lãi cho bà L bằng tiền mặt.

Ông đồng ý trả khoản nợ hụi 110.000.000đ. Đối với khoản tiền vay 700.000.000đ ông đồng ý trả nhưng yêu cầu được điều chỉnh lại số tiền lãi vay theo quy định của pháp luật vì lãi quá cao.

Từ nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 471 – Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn và gia đình; Điều: 26, 227, 228 – Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc ông Trần Việt K và bà Phan Thị Mai P liên đới thanh toán cho bà Tạ Hồng L số tiền 759.000.000đ (*bảy trăm năm mươi chín triệu đồng*).

Án phí dân sự sơ thẩm ông Trần Việt K và bà Phan Thị Mai P phải chịu: 34.360.000đ; Bà Tạ Hồng L không phải án phí dân sự.

Ngày 17/02/2020, ông K và bà P kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận số tiền mà bà P chuyển qua tài khoản của bà L và tiền mặt bà L đã nhận là tiền lãi bà P trả cho bà L cho các khoản vay.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau.

Về trình tự thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử, đương sự đã tuân thủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 – Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; Sửa một phần bản án sơ thẩm dân sự số 01/2020/DS-ST ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau; Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 582.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông K và bà P là bị đơn trong vụ án; Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định, được chấp nhận xem xét, giải quyết.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện cho bà P nêu rằng: Số tiền bà P chuyển vào tài khoản bà L từ ngày 16/8/2018dl đến ngày 14/6/2019dl là 604.000.000đ; Ngoài ra, còn có chuyển khoản và giao tiền mặt từ ngày 24/6/2018dl đến ngày 15/8/2018dl là 281.000.000đ; Tổng số tiền đã giao cho bà L

là 885.000.000đ (BL: 25, 26, 27, 76 – 107). Số tiền trên trả hụi 390.000.000đ còn lại là trả lãi vay.

Qua xem xét các chứng cứ mà bị đơn cung cấp thấy rằng: Từ ngày 24/6/2018dl (ngày 11/5/2018âl) đến ngày 14/6/2019dl (12/5/2019âl) bà P chuyển tiền vào tài khoản bà L 53 lần tổng cộng 749.000.000đ, nhận tiền mặt 06 lần số tiền 86.000.000đ, tổng số tiền đã nhận là 835.000.000đ. Đối với chứng cứ tại Bút lục số 25 ghi: Chuyển 10.000; Đưa Trân – 20.000.000đ – gởi Trân 11.000đ; Ngày 2.8 – 15.000.000 – gởi Duyên 15.000; Ngày 4.8 – 10.000.000 – gởi 10.000. Do nội dung ghi này không rỏ ràng, nên không có đủ cơ sở để xác định đây là những khoản tiền bà P đóng hụi và trả lãi cho bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L thừa nhận có nhận các khoản tiền đúng như chứng từ sao kê của Ngân hàng mà bị đơn cung cấp và Giấy viết của bà P giao tiền mặt cho bà L. Do đó, có cơ sở kết luận, từ ngày 24/6/2018dl đến ngày 14/6/2019dl bà P trả cho bà L 835.000.000đ. Nhưng bà L cho rằng chủ yếu là tiền hụi, mỗi tháng bà P góp 70.000.000đ tiền hụi.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà L xác định: Số tiền hụi bà P đã trả trong số tiền 835.000.000đ gồm tiền hụi của 04 dây hụi, gồm: Hụi mở ngày 10âl, ngày 15âl, ngày 20âl, ngày 30âl. Hụi ngày 15âl, ngày 30âl mãn vào tháng 4/2018âl; Hụi ngày 10âl, ngày 20âl thì chưa mãn, còn nợ 110.000.000đ. Số tiền lãi bà P đã trả trong số tiền 835.000.000đ là tiền lãi của khoản vay 500.000.000đ và khoản vay 300.000.000đ chứ không còn khoản vay nào khác.

Qua xem xét tài liệu chứng cứ và lời khai của các đương sự thấy rằng: Bà P phải góp hụi (đóng hụi chết) cho bà L của dây hụi ngày 10/02/2017âl mỗi tháng 10.000.000đ, hụi ngày 20/11/2017âl mỗi tháng 20.000.000đ. Như vậy, dây hụi ngày 10âl và dây hụi ngày 20âl bà P góp hụi từ ngày 24/6/2018dl đến ngày 12/5/2019âl có tổng số tiền là 390.000.000đ = (13 tháng x 30.000.000đ). Ngoài ra, chứng cứ còn thể hiện tháng 6/2018dl bà P góp hụi cho dây hụi ngày 15âl với số tiền 20.000.000đ; Tháng 7/2018dl bà P góp hụi cho dây hụi ngày 30âl với số tiền 20.000.000đ và dây hụi ngày 15âl với số tiền 10.000.000đ.

Như vậy, trong 835.000.000đ bà L đã nhận thì trong đó tiền góp hụi là 440.000.000đ = (390.000.000đ hụi ngày 10âl và ngày 20âl + 50.000.000đ hụi ngày 15âl và ngày 30âl), đối trừ còn lại 395.000.000đ là tiền lãi trả cho khoản vay 500.000.000đ và khoản vay 300.000.000đ.

Đối với số tiền lãi vay phải trả theo pháp luật quy định: Khoản vay 500.000.000đ từ ngày 27/3/2018 đến 27/3/2019 là 116.900.000đ = (1.67%/tháng x 500.000.000đ x 14 tháng). Khoản vay 300.000.000đ từ ngày 10/4/2018 đến 27/8/2018 là 20.040.000đ = (1,67%/tháng x 300.000.000đ x 04 tháng); Tháng 8/2018 trả vốn 100.000.000đ nên khoản vay còn lại 200.000.000đ, từ tháng 8/2018 đến tháng 27/5/2019 là 30.060.000đ = (1,67%/tháng x 200.000.000đ x 9 tháng). Tổng cộng tiền lãi của các khoản vay nói trên bị đơn phải trả cho nguyên đơn 167.000.000đ. Trong thực tế bị đơn đã trả cho nguyên đơn 395.000.000đ nên bị

đơn đã trả tiền lãi vượt theo pháp luật quy định là 228.000.000đ; Số tiền trả lãi vượt được trừ vào vốn vay. Do đó, số tiền vốn vay bị đơn còn nợ nguyên đơn 472.000.000đ = (700.000.000đ – 228.000.000đ). Tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn các khoản nợ là 582.000.000đ = (472.000.000đ + 110.000.000đ).

Do đó, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[4] Do nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Do sửa án sơ thẩm nên án phí sơ thẩm được tính lại; Số tiền án phí dân sự có giá ngạch của số tiền 582.000.000đ bị đơn phải chịu là 27.280.000đ.

Đơn khởi kiện ngày 02/12/2019, nguyên đơn khởi kiện đòi 810.000.000đ. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn thay đổi chỉ yêu cầu đòi bị đơn trả 759.000.000đ; Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự. Song, tại phiên tòa phúc thẩm xác định bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn tổng các khoản là 582.000.000đ nhưng nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu đòi 759.000.000đ. Do đó, nguyên đơn phải chịu án phí của số tiền yêu cầu không được chấp nhận là 177.000.000đ; Án phí dân sự có giá ngạch của số tiền 177.000.000đ là 8.850.000đ, nguyên đơn phải chịu.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 – Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Trần Việt K và Phan Thị Mai P; Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm 01/2020/DS-ST ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 471 – Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn và gia đình; Điều: 26, 227, 228, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 – Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: - Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc ông Trần Việt K và bà Phan Thị Mai P có nghĩa vụ trả cho bà Tạ Hồng L số tiền 582.000.000 đồng (*Năm trăm tám mươi hai triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Án phí: + Án phí dân sự có giá ngạch ông Trần Việt K và bà Phan Thị Mai P phải chịu 27.280.000 đồng.

+ Án phí dân sự phúc thẩm ông Trần Việt K và bà Phan Thị Mai P không phải chịu; Hoàn trả lại cho ông K và bà P 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0001444 ngày 18/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

+ Bà Tạ Hồng L phải án phí dân sự có giá ngạch 8.850.000đ; Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 18.150.000 đồng theo biên lai số 0001014 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau; Bà Tạ Hồng L được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 9.300.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKS.ND tỉnh Cà Mau;
- TAND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Xuân Miễn